

**Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ	11 - 45

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 vào ngày 11 tháng 7 năm 2016. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Trần Đăng Lợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 60999244/18489728/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone, được lập ngày 5 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 5 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.954.078.131.635	2.009.674.055.978
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	407.287.779.041	295.042.603.585
111	1. Tiền		401.287.779.041	140.042.603.585
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	155.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	6.153.333.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.153.333.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		486.002.861.859	496.359.427.747
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	466.406.827.045	478.153.302.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	18.556.266.492	17.112.297.113
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	50.129.329	411.174.181
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.304.017.929	4.895.712.580
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(4.314.378.936)	(4.213.058.152)
140	IV. Hàng tồn kho	7	994.067.307.524	1.122.033.575.196
141	1. Hàng tồn kho		1.021.552.622.233	1.155.791.173.210
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(27.485.314.709)	(33.757.598.014)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		66.720.183.211	90.085.116.117
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.343.148.638	2.838.769.757
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		65.377.034.573	87.246.346.360

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		772.916.849.831	756.572.192.579
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		564.960.518.786	597.265.777.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	549.084.497.108	580.229.244.316
222	Nguyên giá		1.160.640.543.600	1.159.584.234.054
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(611.556.046.492)	(579.354.989.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	15.876.021.678	17.036.533.023
228	Nguyên giá		25.593.215.497	25.593.215.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.717.193.819)	(8.556.682.474)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		173.100.481.894	106.694.557.710
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	173.100.481.894	106.694.557.710
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	20.431.293.600	37.602.853.600
251	1. Đầu tư vào công ty con	11.1	-	17.171.560.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	20.431.293.600	20.431.293.600
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.394.555.551	14.979.003.930
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.394.555.551	14.979.003.930
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.726.994.981.466	2.766.246.248.557

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.553.527.139.769	1.782.562.046.500
310	I. Nợ ngắn hạn		1.254.664.252.461	1.457.621.488.560
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	100.637.676.835	133.278.910.693
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.586.595.186	13.800.672.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	33.884.842.455	35.324.494.459
314	4. Phải trả người lao động		890.679.251	420.489.638
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	455.241.817	85.389.288.275
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1.085.990.107.489	1.178.560.448.863
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	23.219.109.428	10.847.183.801
330	II. Nợ dài hạn		298.862.887.308	324.940.557.940
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	298.226.587.557	324.227.719.567
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		636.299.751	712.838.373
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.173.467.841.697	983.684.202.057
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.173.467.841.697	983.684.202.057
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		529.992.510.000	529.992.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		529.992.510.000	529.992.510.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	322.060.800.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(369.627.974.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		61.780.736.819	86.528.858.029
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		581.633.794.878	414.730.008.543
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		370.373.589.878	197.806.945.897
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		211.260.205.000	216.923.062.646
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.726.994.981.466	2.766.246.248.557



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga





Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.453.962.582.872	1.166.387.263.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần (10= 01-02)	20.1	1.453.962.582.872	1.166.387.263.761
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.018.656.024.812	831.644.523.557
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)		435.306.558.060	334.742.740.204
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	14.908.523.380	14.536.782.264
22	7. Chi phí tài chính	22	29.919.754.897	87.068.049.199
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.773.502.839	44.530.156.643
25	8. Chi phí bán hàng	23	37.909.731.017	35.159.420.673
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	24.914.019.439	27.342.191.579
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		357.471.576.087	199.709.861.017
31	11. Thu nhập khác		397.343.047	800.531.025
32	12. Chi phí khác		29.319.340	8.678.211.477
40	13. Lãi/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)		368.023.707	(7.877.680.452)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		357.839.599.794	191.832.180.565
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	61.780.492.794	35.864.641.346
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51 - 52)		296.059.107.000	155.967.539.219

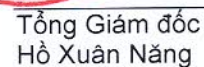


Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		357.839.599.794	191.832.180.565
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		33.285.029.477	34.458.453.476
03	Các khoản dự phòng		(6.170.962.521)	(4.611.870.291)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.685.911.285)	29.756.083.102
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.172.693.622)	(8.909.933.431)
06	Chi phí lãi vay	22	26.773.502.839	44.530.156.643
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		405.868.564.682	287.055.070.064
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		40.035.525.854	(31.432.165.319)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		134.238.550.977	(116.940.565.025)
11	Giảm các khoản phải trả		(37.899.619.810)	(18.161.764.942)
12	Giảm chi phí trả trước		2.080.069.498	4.000.457.658
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.773.502.839)	(44.530.156.643)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(56.654.561.772)	(32.067.579.235)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.104.639.733)	(11.331.902.365)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		451.790.386.857	36.591.394.193
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(72.537.000.757)	(40.785.479.032)
23	Tiền chi cho vay		(310.082.483)	(9.410.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.314.483.816	306.923.811.796
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.095.756.852	8.585.780.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.379.360.288	1.069.129.017
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(55.057.482.284)	266.383.241.781

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03a-DN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ đi vay		806.628.487.473	901.620.004.671
34			(921.084.189.199)	(853.424.884.574)
36			(169.539.895.500)	(169.065.180.475)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(283.995.597.226)	(120.870.060.378)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		112.737.307.347	182.104.575.596
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		295.042.603.585	77.253.199.831
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(492.131.891)	310.536.827
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	407.287.779.041	259.668.312.254



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 vào ngày 11 tháng 7 năm 2016. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 590 (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 581 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Trong kỳ, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200384937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14 tháng 7 năm 2009, với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng Việt Nam. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản; sản xuất mua bán vật liệu xây dựng.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 1906/2015/VCS - HKG để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với tổng giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Trong năm 2015, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng này, Công ty đã nhận được khoản tạm ứng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với số tiền là 8.585.780.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang đã ký Biên bản Thỏa thuận không thực hiện và chấm dứt Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần ngày 25 tháng 3 năm 2016. Công ty đã tiến hành hoàn trả lại khoản tạm ứng đã nhận trong năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS là công ty mẹ và có một công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cần lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 5 tháng 8 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

► **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	7.879.711.219	231.058.970
Tiền gửi ngân hàng	393.408.067.822	139.811.544.615
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	155.000.000.000
TỔNG CỘNG	407.287.779.041	295.042.603.585

Khoản tương đương tiền là tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công với mức lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ khách hàng	260.573.422.282	300.776.886.615
- Công ty Pental Granite & Marble	119.765.133.945	94.869.049.440
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	68.908.383.846	-
- Công ty WK Marble & Granite Pty Ltd	1.320.947.500	175.155.304.210
- Các khoản phải thu khách hàng khác	70.578.956.991	30.752.532.965
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	205.833.404.763	177.376.415.410
TỔNG CỘNG	466.406.827.045	478.153.302.025
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(2.569.049.687)	(2.467.728.903)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán	14.818.248.532	12.084.608.153
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.738.017.960	5.027.688.960
TỔNG CỘNG	18.556.266.492	17.112.297.113

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu nhân viên	3.558.688.680	2.908.971.226
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico	1.508.000.000	1.508.000.000
Phải thu lãi vay	12.160.499	218.827.165
Phải thu khác	225.168.750	259.914.189
	5.304.017.929	4.895.712.580
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG	5.334.017.929	4.925.712.580
Trong đó:		
Phải thu khác	5.334.017.929	4.684.300.475
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	241.412.105
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(1.745.329.249)	(1.745.329.249)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	21.200.063.052	-	36.923.516.159	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	122.980.521.148	-	162.387.381.159	-
Công cụ, dụng cụ	30.764.854.132	-	31.008.735.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.765.418.310	-	30.595.300.853	-
Thành phẩm	432.244.247.846	(27.485.314.709)	495.176.360.629	(33.757.598.014)
Hàng hóa	388.597.517.745	-	399.699.879.011	-
TỔNG CỘNG	1.021.552.622.233	(27.485.314.709)	1.155.791.173.210	(33.757.598.014)

Công ty sử dụng một phần hàng tồn kho để cầm cố/ thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(33.757.598.014)	(45.138.389.170)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	6.272.283.305	5.192.718.896
Số cuối kỳ (*)	(27.485.314.709)	(39.945.670.274)

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong kỳ, một phần khoản dự phòng đã được sử dụng do bán được một số sản phẩm đã được trích lập dự phòng vào các năm trước.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	154.495.713.403	959.647.054.593	27.271.624.778	12.619.443.184	5.550.398.096	1.159.584.234.054
- Mua trong kỳ	-	595.000.000	-	202.184.546	-	797.184.546
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	259.125.000	-	-	-	-	259.125.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	154.754.838.403	960.242.054.593	27.271.624.778	12.821.627.730	5.550.398.096	1.160.640.543.600
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	42.466.418.812	260.721.092.172	12.525.952.731	2.374.106.508	5.550.398.096	323.637.968.319
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	77.424.826.303	472.398.594.456	17.397.277.785	6.583.893.098	5.550.398.096	579.354.989.738
- Khấu hao trong kỳ	4.421.507.517	25.752.663.250	1.147.764.310	879.121.677	-	32.201.056.754
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	81.846.333.820	498.151.257.706	18.545.042.095	7.463.014.775	5.550.398.096	611.556.046.492
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	77.070.887.100	487.248.460.137	9.874.346.993	6.035.550.086	-	580.229.244.316
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	72.908.504.583	462.090.796.887	8.726.582.683	5.358.612.955	-	549.084.497.108
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	54.212.170.816	452.737.117.086	6.059.086.268	2.486.306.580	-	515.494.680.750

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn và dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	191.967.400	38.000.000	229.967.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.518.682.474	38.000.000	8.556.682.474
- Hao mòn trong kỳ	1.160.511.345	-	1.160.511.345
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	9.679.193.819	38.000.000	9.717.193.819
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.036.533.023	-	17.036.533.023
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	15.876.021.678	-	15.876.021.678
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)</i>	15.066.157.489	-	15.066.157.489

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 16.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mua sắm	1.291.117.786	1.283.303.188
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	160.608.136.860	97.253.186.238
Sửa chữa	11.201.227.248	8.158.068.284
TỔNG CỘNG	173.100.481.894	106.694.557.710
<i>Trong đó bao gồm:</i>		
<i>Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên (*)</i>	150.040.254.146	89.994.674.081

(*) Đây là Dự án nhà thương mại bán cho cán bộ công nhân viên và khách hàng bên ngoài. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay cho dự án này là 2.949.038.273 đồng (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 261.429.502 đồng).

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	1.717.156	17.171.560.000
Đầu tư vào công ty liên kết	2.044.800	20.431.293.600	2.044.800	20.431.293.600
TỔNG CỘNG	2.044.800	20.431.293.600	3.761.956	37.602.853.600

11.1 Đầu tư vào công ty con

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, tất cả các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	31,40%	31,40%

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là 31,40%.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.035.559.411	1.810.725.990
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.589.227	1.028.043.767
TỔNG CỘNG	1.343.148.638	2.838.769.757
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.349.091.728	7.486.457.929
Công cụ, dụng cụ	2.859.220.648	3.604.206.047
Chi phí làm đường	447.092.915	690.961.778
Chi phí sửa chữa TSCĐ	369.872.983	544.731.650
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.369.277.277	2.652.646.526
TỔNG CỘNG	14.394.555.551	14.979.003.930

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 28.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Sibelco Benelux Ltd.	14.515.877.368	14.515.877.368	1.786.579.614	1.786.579.614
- SHCP Pte, Ltd.	13.068.900.000	13.068.900.000	17.017.560.000	17.017.560.000
- Eternal Materials Co., Ltd.	-	-	15.450.864.000	15.450.864.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	60.235.597.230	60.235.597.230	94.122.967.978	94.122.967.978
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	12.817.302.237	12.817.302.237	4.900.939.101	4.900.939.101
TỔNG CỘNG	100.637.676.835	100.637.676.835	133.278.910.693	133.278.910.693
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế nhập khẩu	8.623.449.997	9.877.336.424	(15.313.743.838)	3.187.042.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	24.414.290.759	61.780.492.794	(56.654.561.772)	29.540.221.781
Thuế và các khoản phải nộp khác	2.286.753.703	31.135.305.068	(32.264.480.680)	1.157.578.091
TỔNG CỘNG	35.324.494.459	102.793.134.286	(104.232.786.290)	33.884.842.455

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bảo hiểm xã hội	223.308.611	314.383.320
Kinh phí công đoàn	90.459.600	135.509.064
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.106.981	43.111.350
Cổ tức phải trả	126.166.625	84.867.160.125
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.200.000	29.124.416
TỔNG CỘNG	455.241.817	85.389.288.275
Trong đó:		
Phải trả khác	455.241.817	23.914.646.275
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	61.474.642.000

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng ngắn hạn	1.178.560.448.863	1.178.560.448.863	830.242.368.190	922.812.709.564	1.085.990.107.489	1.085.990.107.489	
Vay ngân hàng dài hạn	324.227.719.567	324.227.719.567	29.158.919.283	55.160.051.293	298.226.587.557	298.226.587.557	
TỔNG CỘNG	1.502.788.168.430	1.502.788.168.430	859.401.287.473	977.972.760.857	1.384.216.695.046	1.384.216.695.046	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	218.201.750.078	9.765.126	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hà Nội	158.648.069.353	7.096.760	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	129.359.275.839	5.790.478	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	117.242.997.421	5.246.946	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	96.440.670.301	4.315.984	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công – Vay VND	89.233.926.215	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long – Vay VND	66.185.284.973	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	46.925.946.238	2.099.595	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	34.151.376.853	1.528.026	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 1 năm 2017
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh sở giao dịch	25.422.465.125	1.137.725	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	5.294.845.093	236.800	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 3 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	96.083.500.000	4.300.000	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 6 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính - Khoản vay dài hạn đến hạn trả - Vay VND	2.800.000.000	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 6 năm 2017
TỔNG CỘNG	1.085.990.107.489	41.517.440	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính	219.789.005.926	9.836.160	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính – Vay VND	5.773.397.512	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất – Vay VND	72.664.184.119	-	Lãi được trả hàng quý từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 4 năm 2020, gốc vay được trả toàn bộ vào tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	298.226.587.557	9.836.160	

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	10.847.183.801	10.936.183.801
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 18.1)	21.476.565.360	13.092.789.086
Sử dụng quỹ trong kỳ	(9.104.639.733)	(10.628.403.375)
Số cuối kỳ	23.219.109.428	13.400.569.512

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	74.297.617.476	219.298.852.204	776.021.805.165
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.231.240.553	(12.231.240.553)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(13.092.789.086)	(13.092.789.086)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(84.798.902.000)	(84.798.902.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	155.967.539.219	155.967.539.219
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	265.143.459.784	834.097.653.298
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	414.730.008.543	983.684.202.057
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	22.879.853.305	(22.879.853.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(21.476.565.360)	(21.476.565.360)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(84.798.902.000)	(84.798.902.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	296.059.107.000	296.059.107.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	529.992.510.000	60.800.000	-	61.780.736.819	581.633.794.878	1.173.467.841.697

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Công ty đã chia 10.599.800 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu trích từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 09/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp cổ đông	529.992.510.000	52.999.251	529.992.510.000	52.999.251
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	384.185.770.000	38.418.577	307.373.210.000	30.737.321
- Vốn góp của các đối tượng khác	145.806.740.000	14.580.674	222.619.300.000	22.261.930
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	322.060.800.000	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(369.627.974.515)	(10.599.800)
TỔNG CỘNG	530.053.310.000	52.999.251	482.425.335.485	42.399.451

18.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức đã công bố trong kỳ	84.798.902.000	84.798.902.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.798.902.000	84.798.902.000
Tạm chia cổ tức cho năm 2016 (VND 2.000/cổ phiếu)	84.798.902.000	-
Tạm chia cổ tức cho năm 2015 (VND 2.000/cổ phiếu)	-	84.798.902.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2016		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu phổ thông	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(10.599.800)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	(10.599.800)
Cổ phiếu phổ thông	-	(10.599.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	52.999.251	42.399.451
Cổ phiếu phổ thông	52.999.251	42.399.451
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2015: VND 10.000).

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	15.224.787	5.195.283
- Euro (EUR)	684.016	505.614

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng doanh thu	1.453.962.582.872	1.166.387.263.761
Doanh thu bán hàng	1.453.962.582.872	1.166.387.263.761
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	1.453.962.582.872	1.166.387.263.761

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.735.829.758	5.626.848.833
Cổ tức được chia	1.226.880.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	945.813.622	8.909.933.431
TỔNG CỘNG	14.908.523.380	14.536.782.264

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn của thành phẩm đã bán	809.814.595.262	658.450.336.655
Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng đã bán	221.631.219.857	186.351.227.342
Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu	(6.416.503.471)	(7.964.321.544)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.272.283.305)	(5.192.718.896)
Giá vốn khác	(101.003.531)	-
TỔNG CỘNG	1.018.656.024.812	831.644.523.557

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền vay	26.773.502.839	44.530.156.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.146.252.058	42.537.892.556
TỔNG CỘNG	29.919.754.897	87.068.049.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	27.901.510.127	24.803.848.135
- Chi phí đóng hàng	2.688.432.361	2.919.926.331
- Chi phí lương	1.556.894.891	1.196.319.368
- Chi phí bán hàng khác	5.762.893.638	6.239.326.839
TỔNG CỘNG	37.909.731.017	35.159.420.673
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương quản lý	12.328.423.646	12.841.876.365
- Chi phí khấu hao	4.080.182.962	4.158.040.243
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.505.412.831	10.342.274.971
TỔNG CỘNG	24.914.019.439	27.342.191.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	890.972.574.390	870.135.752.311
Chi phí nhân công	42.510.394.998	39.367.623.096
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	33.285.029.477	34.458.453.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.548.458.975	46.561.249.797
Chi phí khác	6.673.605.407	7.563.850.451
TỔNG CỘNG	1.019.990.063.247	998.086.929.131

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm của nhà máy 1:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong kỳ là 15% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán thành phẩm của nhà máy 2 và hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.780.492.794	24.288.363.882
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	11.576.277.464
TỔNG CỘNG	61.780.492.794	35.864.641.346

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lợi nhuận thuần trước thuế	357.839.599.794	191.832.180.565
Các điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kế toán	1.553.052.145	9.829.072.797
Khoản phạt nộp chậm thuế	3.295.272	8.677.211.477
Các khoản chi phí không hợp lệ	353.333.291	161.365.641
Các khoản khác	1.196.423.582	990.495.679
Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán	(1.226.880.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	(1.226.880.000)	-
Lỗi kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	358.165.771.939	201.661.253.362
Thuế TNDN phải trả kỳ hiện hành	61.780.492.794	24.288.363.882
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	24.414.290.759	11.990.547.160
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	11.576.277.464
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(56.654.561.772)	(32.067.579.235)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	29.540.221.781	15.787.609.271

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

26.1. Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	250.207.778.027	1.203.754.804.845	1.453.962.582.872
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	250.207.778.027	1.203.754.804.845	1.453.962.582.872
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.984.714.031	413.551.412.790	422.536.126.821
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(12.770.431.239)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	435.306.558.060
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(77.466.958.266)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	357.839.599.794
Chi phí thuế TNDN	-	-	(61.780.492.794)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	296.059.107.000
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	3.846.464.710	459.991.312.648	463.837.777.358
Tài sản không phân bổ	-	-	2.263.157.204.108
Tổng tài sản	-	-	2.726.994.981.466
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.553.527.139.769
Tổng nợ phải trả	-	-	1.553.527.139.769
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	1.056.309.546
Khấu hao	-	-	33.361.568.099
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	213.942.174.172	952.445.089.589	1.166.387.263.761
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	213.942.174.172	952.445.089.589	1.166.387.263.761
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.288.024.787	309.949.512.254	312.237.537.041
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(22.505.203.163)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	334.742.740.204
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(142.910.559.639)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	191.832.180.565
Chi phí thuế TNDN	-	-	(35.864.641.346)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	155.967.539.219
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	62.956.623.468	453.652.465.541	516.609.089.009
Tài sản không phân bổ	-	-	2.150.178.654.362
Tổng tài sản	-	-	2.666.787.743.371
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.832.690.090.073
Tổng nợ phải trả	-	-	1.832.690.090.073
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	3.630.088.396
Khấu hao	-	-	34.476.390.696

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư Thu hồi đầu tư cho vay ngắn hạn Lãi vay phải thu	314.947.882.779 126.701.170.976 	363.272.418.177 183.405.895.059 - 297.923.811.796 - 8.379.774.789
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu thành phẩm, vật tư	164.736.551.319	129.566.336.827
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu thành phẩm Mua vật tư, thành phẩm Cổ tức thu trực tiếp từ Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam Cổ tức thu qua Trung tâm lưu ký chứng khoán	31.754.820.030 53.346.679.510 1.224.144.000 2.736.000	30.486.225.403 29.814.257.693 - -
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)	Chuyển khoản cho vay thành vốn góp vào công ty con Chuyển khoản phải thu khác thành vốn góp vào công ty con Cho vay ngắn hạn	 148.932.000	- 1.843.922.559 - 1.133.797.441 410.000.000
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Doanh thu thành phẩm Mua hàng hóa Trả cổ tức	91.522.374.917 76.176.082.858 122.949.284.000	- - 122.949.284.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	20.161.496.737	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng với các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Các giao dịch cho vay đối với các bên liên quan theo tỷ lệ lãi suất thỏa thuận.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối giai đoạn tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn) và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 5.1 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi giai đoạn tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	205.833.404.763	177.376.415.410
			205.833.404.763	177.376.415.410
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng đầu tư XDCB	3.685.760.960	4.975.431.960
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền dịch vụ	52.257.000	52.257.000
			3.738.017.960	5.027.688.960
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)	Cho vay ngắn hạn	50.129.329	411.174.181
			50.129.329	411.174.181

Phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn dưới 1 năm.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu khác các bên liên quan (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải thu khác	-	34.745.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu lãi vay	-	206.666.666
			-	241.412.105
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về mua đá thành phẩm	7.950.601.324	4.120.975.133
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng	3.521.293.166	-
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua hàng	1.057.795.200	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	287.612.547	31.740.638
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả mua tài sản cố định	-	748.223.330
			12.817.302.237	4.900.939.101
Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	61.474.642.000
			-	61.474.642.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	4.512.399.655	4.218.219.062
TỔNG CỘNG	4.512.399.655	4.218.219.062

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 – 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.375.214.975	2.488.320.450
TỔNG CỘNG	3.506.269.725	3.619.375.200

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty nhận bàn giao thực địa (đất có hạ tầng) theo quy định của hợp đồng này.

Kiến tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

